ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51/2026/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3370/TTr-SXD ngày 24 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Những nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các công tác quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Ủy ban nhân dân cấp xã* là Ủy ban nhân dân xã, phường.

2. *Cơ quan quản lý đường bộ* là Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. *Người quản lý, sử dụng đường bộ* là chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ.

4. *Quốc lộ* là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính của tỉnh; đường nối liền các trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

5. *Quốc lộ được phân cấp quản lý* là hệ thống quốc lộ được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quản lý, không bao gồm các tuyến quốc lộ do Bộ Xây dựng quản lý.

6. *Đường địa phương* bao gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn, cụ thể như sau:

a) *Đường tỉnh* là đường nằm trong địa bàn tỉnh nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của xã; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường phố, ngõ, ngách, hẻm.

c) *Đường xã* là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, xóm và điểm dân cư nông thôn hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

d) *Đường thôn* là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn, xóm.

Điều 3. Phân cấp quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Sở Xây dựng:

Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được phân cấp quản lý, đường tỉnh và các tuyến đường bộ, cầu đường bộ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với đường trong khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, các khu chức năng của Khu kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống đường đô thị, đường xã, đường thôn thuộc địa giới hành chính của cấp xã.

b) Quản lý cầu dân sinh đơn lẻ không nằm trên hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn thuộc địa giới hành chính của cấp xã.

c) Đối với các đoạn đường đô thị là ranh giới giữa hai phường: Ủy ban nhân dân các phường quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ dọc theo tim đường (bao gồm: vỉa hè (gồm cả phần ngầm trong vỉa hè), chỉ giới xây dựng, trật tự xây dựng, cây xanh, điện chiếu sáng); việc bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả khắc phục hậu quả thiên tai, cải tạo, nâng cấp), chi phí để vận hành chu kỳ đèn giao thông và tổ chức giao thông do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho một phường thực hiện.

d) Đối với đoạn đường xã, đường thôn là ranh giới giữa hai xã hoặc giữa xã với phường: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho một xã, phường thực hiện quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 4. Điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý

1. Việc điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Phân loại đường bộ đối với tuyến, đoạn tuyến đường bộ không còn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

b) Vị trí, vai trò của tuyến, đoạn tuyến đường bộ trong công tác quản lý có sự thay đổi cần điều chỉnh phân loại.

c) Tuyến, đoạn tuyến đường bộ khi có thay đổi trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý:

a) Cơ quan quản lý tuyến, đoạn tuyến đường bộ có hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý. Riêng đối với hệ thống đường đô thị, đường xã, đường thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng để xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh. Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý, kèm theo hồ sơ tình trạng tuyến đường được đề nghị điều chỉnh (hướng tuyến, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, cấp đường, bề rộng nền mặt đường, loại kết cấu mặt đường và các công trình chính trên tuyến); các quyết định phê duyệt dự án, báo cáo hoàn thành công trình và các tài liệu, văn bản khác có liên quan.

b) Sở Xây dựng kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh loại đường địa phương theo cấp quản lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Xây dựng.

3. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi có quyết định điều chỉnh loại đường được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Đặt tên, đổi tên, số hiệu đường địa phương

1. Việc đặt tên, đổi tên, số hiệu đường địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định tại Điều này.

2. Đối với đường tỉnh:

a) Số hiệu đường tỉnh: gồm chữ "ĐT.", sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt theo thứ tự từ 201 - 225 (25 số). Ví dụ: ĐT.201, ĐT.202... và chữ cái nếu có.

b) Trường hợp số đường tỉnh vượt quá 25 tuyến thì các tuyến đường bộ đặt tên sau được sử dụng lại các số hiệu đó kèm thêm một chữ cái lần lượt từ A đến Z (ví dụ: ĐT.215, ĐT.215A, ĐT.215B, ĐT.204, ĐT.204A...).

3. Đối với đường đô thị: thực hiện theo điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

4. Đối với đường xã:

a) Đường xã được đặt tên, không bắt buộc đặt số hiệu.

b) Tên đường xã gồm chữ "Đường" kèm theo tên địa danh điểm đầu và điểm cuối hoặc tên theo tập quán địa phương.

c) Tên đường xã do Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt tên, số hiệu cho từng tuyến đường tỉnh, đường xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 6. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo Điều 21 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và các quy định tại Điều này.

2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; tổ chức lập và cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tuyến đường bộ; kịp thời thông tin với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang an toàn đường bộ bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép để xử lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; thực hiện công bố công khai các mốc lộ giới sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn quản lý; xử lý vi phạm về lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn.

4. Chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ tổ chức lập và cung cấp bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đối với đường bộ thuộc phạm vi dự án để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, làm căn cứ quản lý, xử lý vi phạm.

Chương II
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được phân cấp quản lý, đường tỉnh, đường đô thị (đường phố), đường xã được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Điều 9 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, Thông tư

số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

2. Đối với đường trong ngõ, ngách, hẻm tại đô thị, đường thôn ở nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cộng đồng dân cư trên địa bàn thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 8. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được phân cấp quản lý, đường tỉnh, đường đô thị (đường phố), đường xã được lập và phê duyệt hằng năm theo mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BXD. Các công việc trong Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT và khoản 1 Điều 14 Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

2. Lập, phê duyệt nhu cầu và Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ do Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý cho kế hoạch năm sau:

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, nhu cầu khai thác vận tải, tải trọng khai thác, lưu lượng giao thông, các dữ liệu khác về khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, bao gồm các công việc quy định tại khoản 1 Điều này và lập công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau, hoàn thành trước ngày 30 tháng 5 hằng năm (danh mục dự án ưu tiên bao gồm: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình).

b) Sở Xây dựng tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhu cầu bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ do Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (kèm theo công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư cho kế hoạch năm sau) trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

c) Căn cứ vào công việc, danh mục dự án cho phép chuẩn bị đầu tư quy định tại điểm b khoản này, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện thẩm quyền quyết định đầu tư và có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định,

phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc trong kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được phép điều chỉnh cục bộ chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa, giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông trong phạm vi kinh phí của danh mục được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận; đối với trường hợp cần thực hiện giải pháp bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, cống, kè, chủ đầu tư phê duyệt không vượt quá 20% kinh phí của danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

d) Căn cứ công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư quy định tại điểm b khoản này; danh mục bảo trì (bảo dưỡng, sửa chữa đột xuất, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang) và các công việc quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, Sở Xây dựng tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về các kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau của Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

đ) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng trình các nội dung theo điểm d khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm sau của Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

3. Điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trong năm kế hoạch:

a) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thông báo nguồn vốn thực hiện hoặc giao dự toán ngân sách nhà nước không đủ để thực hiện toàn bộ công việc, danh mục dự án thuộc kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện (phân kỳ sang năm tiếp theo) một số danh mục của kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ để phù hợp nguồn vốn hoặc dự toán được giao, bảo đảm không để nợ đọng; trong đó ưu tiên hoàn thành các công việc, danh mục dự án bao gồm: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình.

b) Trường hợp Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cần điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong quyết định nhu cầu bảo

trì đã được phê duyệt hoặc trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa đột xuất ngoài quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này, Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc cho phép chuẩn bị đầu tư.

c) Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp các trường hợp quy định tại điểm c khoản 2, điểm a và điểm b khoản này; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo đảm không để nợ đọng.

4. Các trường hợp phải sửa chữa đột xuất hoặc thực hiện các công việc đột xuất, cấp bách khác được thực hiện ngoài Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước do cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, thực hiện cứu nạn, cứu hộ, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức thực hiện kịp thời các công việc khẩn cấp, cấp bách sau: thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Điều 26, Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai, Điều 38 Luật Đường bộ và các quy định khác của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách để khắc phục nguy cơ sập đổ công trình, giải quyết sự cố công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; công tác xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông.

b) Trừ quy định tại điểm a khoản này, đối với trường hợp cần sửa chữa, thực hiện công việc đột xuất khác để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình (sửa chữa điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông; điều chỉnh, bổ sung công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ, điều chỉnh, bổ sung tổ chức giao thông và các công việc khác theo quy định tại các Điều 23, Điều 24, Điều 25 và các quy định khác của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về đường bộ; thực hiện các kiến nghị theo quy định tại Điều 79 và các quy định khác của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện sửa chữa đột xuất hoặc các công việc đột xuất khác liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì), thì việc cho phép chuẩn bị đầu tư phải được thực hiện kịp thời theo các quy định như sau: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện đối với trường hợp có giá trị đến 05 tỷ đồng.

c) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản này có giá trị lớn hơn 05 tỷ đồng, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi thực hiện.

5. Đối với đường đô thị (đường phố), đường xã:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý, hoàn thành trước ngày 10 tháng 10 hằng năm; căn cứ vào hiện trạng công trình, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, nguồn vốn bố trí, tiến hành rà soát các đoạn tuyến quá thời gian sửa chữa định kỳ theo quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý và trong khả năng cân đối ngân sách của cấp xã.

c) Để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, thực hiện cứu nạn, cứu hộ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện kịp thời các công việc khẩn cấp, cấp bách sau: thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Điều 26, Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai, Điều 38 Luật Đường bộ và các quy định khác của pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách để khắc phục nguy cơ sập đổ công trình, giải quyết sự cố công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; công tác xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông.

d) Trừ quy định tại điểm c khoản này, đối với trường hợp cần sửa chữa, thực hiện công việc đột xuất khác để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình (sửa chữa điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông; điều chỉnh, bổ sung công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ, điều chỉnh, bổ sung tổ chức giao thông và các công việc khác theo quy định tại các Điều 23, Điều 24, Điều 25 và các quy định khác của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về đường bộ; thực hiện các kiến nghị theo quy định tại Điều 79 và các quy định khác của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện sửa chữa đột xuất hoặc các công việc đột xuất khác liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì), thì việc cho phép chuẩn bị đầu tư phải được thực hiện kịp thời theo các quy định như sau: Trong khả năng cân đối ngân sách của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định; trường hợp vượt quá khả năng, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng cho ý kiến về sự cần thiết, về kỹ thuật và tổng mức kinh phí dự kiến thực hiện; Sở Tài chính cho ý kiến về khả năng cấp kinh phí) xem xét, quyết định.

Điều 9. Thực hiện Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Căn cứ Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được phê duyệt và dự toán được giao hằng năm, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện bảo trì công trình đường bộ bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các công việc trong Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT và Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

Điều 10. Công tác phòng, chống thiên tai trên các tuyến đường bộ trong địa giới hành chính tỉnh

1. Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với đường bộ địa phương thực hiện theo Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT, Thông tư số 72/2025/TT-BXD và các quy định tại Điều này.

2. Khi thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 72/2025/TT-BXD trên các tuyến đường được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động huy động nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên đường bộ trên tuyến theo hợp đồng đã ký kết và các nhà thầu khác (nếu cần thiết), để nhanh chóng khắc phục kịp thời hậu quả do thiên tai gây ra.

3. Trường hợp khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 15 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 72/2025/TT-BXD, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo về quy mô, giải pháp sửa chữa, gia cố khắc phục đối với các tuyến đường được giao quản lý.

Điều 11. Hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai

Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện lập, soát xét, thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông và hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với các tuyến đường được giao quản lý, tuân thủ quy định tại Điều 16 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT và Điều 7 Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

Chương III
TỔ CHỨC GIAO THÔNG, KẾT NỐI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Tổ chức giao thông đường bộ

1. Tổ chức giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 13. Kết nối giao thông đường bộ

1. Kết nối giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và mục 2 Chương IV Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác trên địa bàn *(trừ trường hợp quốc lộ là đường cao tốc)* theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và khoản 7 Điều 30 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

3. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận các điểm đấu nối vào các tuyến đường được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ (không bao gồm hệ thống quốc lộ tại khoản 2 Điều này).

4. Việc đấu nối giao thông đường bộ phải phù hợp với các quy hoạch (quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, phương án phát triển mạng lưới giao thông trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xã, mạng lưới giao thông đối ngoại, mạng lưới giao thông chính cấp đô thị trong quy hoạch đô thị, mạng lưới giao thông chính trong các quy hoạch khác) được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

5. Trường hợp nút giao đấu nối không bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này, vị trí nút giao phải bảo đảm các quy định sau:

a) Trong khu vực đô thị: khoảng cách giữa các vị trí đấu nối nằm trong khu vực đô thị được xác định theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các tuyến đường tỉnh ngoài khu vực đô thị: khoảng cách giữa các điểm đấu nối liền kề, cùng phía được xác định cụ thể như sau: Đường cấp III trở lên, không nhỏ hơn 500m; Đường cấp IV, không nhỏ hơn 300m. Đường cấp V trở xuống, không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối liền

kề, cùng phía, tuy nhiên, việc đấu nối phải bảo đảm tuân thủ khoản 2 Điều 27 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

c) Đối với các tuyến đường xã, đường thôn (xóm): không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối liền kề, cùng phía.

6. Nút giao đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường.

7. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ, đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 14. Đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường bộ đang khai thác

1. Việc đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp giấy phép thi công vào đường bộ đang khai thác: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

c) Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định phân cấp, phân công quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 16;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, GTTh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch